

Số: 1566/2016/QĐ-ABIC-QLĐL

Hà nội, ngày 01 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

(Phát động chương trình thi đua đối với hệ thống Tổng đại lý Agribank)

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp số 38/GP-KDBH ngày 18/10/2006 và các Giấy phép điều chỉnh của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- Căn cứ Quy chế tuyển dụng, đào tạo, tổ chức và quản lý hoạt động đại lý ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-HĐQT-ABIC ngày 16/10/2008 của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đại lý và Phát triển Hệ thống.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thi đua “**ABIC cùng Agribank chung tay xây dựng nông thôn mới - 2016**” dành cho các Tổng đại lý thuộc hệ thống Agribank.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung thi đua được tính từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2016.

Điều 3: Các Ông (Bà) Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng tại Trụ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc, các Tổng đại lý của ABIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Thành viên chuyên trách HĐQT (để b/c);
- Lưu VT, QLĐL&PTHT.



Hoàng Thị Tính

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH THI ĐUA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1566/2016/QĐ-ABIC- QLĐL ngày 01/06/2016
của Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)

I. Tên chương trình thi đua

“ABIC cùng Agribank chung tay xây dựng nông thôn mới - 2016”

II. Thời gian thi đua

Thời gian thi đua 12 tháng, từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2016.

III. Đối tượng thi đua

Đối tượng thi đua là các TĐL thuộc hệ thống Agribank đã ký Hợp đồng đại lý khai thác bảo hiểm với ABIC, được chia thành 03 khu vực như sau:

- **Khu vực I:** gồm các đơn vị TĐL Agribank do các Phòng tại Trụ sở chính ABIC, ABIC Hà Nội, ABIC Hải Phòng, ABIC Phú Thọ quản lý.
- **Khu vực II:** gồm các đơn vị TĐL Agribank do ABIC Thanh Hoá, ABIC Nghệ An, ABIC Đà Nẵng, ABIC Đắk Lắk, ABIC Khánh Hoà quản lý (bao gồm cả TĐL Agribank Bà Rịa - Vũng Tàu).
- **Khu vực III:** gồm các đơn vị TĐL Agribank do ABIC Thành phố Hồ Chí Minh và ABIC Cần Thơ quản lý.

IV. Chỉ tiêu thi đua và quy định, điều kiện xét thưởng

1. Chỉ tiêu thi đua gồm:


- Chỉ tiêu doanh thu phí bảo hiểm;
- Chỉ tiêu tiềm năng bảo hiểm;
- Chỉ tiêu tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm;
- Chỉ tiêu hiệu quả;
- Chỉ tiêu thời gian hoàn thành kế hoạch thu dịch vụ ủy thác đại lý bảo hiểm - Bancassurance của Agribank;
- Chỉ tiêu toàn diện khu vực.

2. Điều kiện và nguyên tắc xét thưởng

2.1 Điều kiện xét thưởng

- Chỉ xét thưởng cho các TĐL Agribank đạt doanh thu thực thu trong kỳ thi đua (chưa quy đổi) tối thiểu là 01 tỷ đồng. Riêng Giải Thời gian không áp dụng quy định này.
- Nghiệp vụ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự ô-tô, bắt buộc trách nhiệm dân sự xe máy: không tính trong chương trình thi đua này.

2.2 Nguyên tắc xét thưởng

- Giải thưởng được xét theo điểm thi đua mà TĐL đạt được theo thứ tự từ trên xuống dưới và theo số lượng giải thưởng quy định của chương trình.
- Trường hợp nhiều TĐL có điểm thi đua bằng nhau trong cùng một nhóm giải, giải thưởng được xét theo chỉ tiêu phụ là TĐL có doanh thu thực thu cao hơn. 

2.3 Thời gian chốt số liệu để xét thưởng

- Kết quả thi đua của từng TĐL căn cứ theo số liệu Báo cáo thi đua trên phần mềm nghiệp vụ của ABIC.
- Thời gian chốt số liệu để xét thưởng là: 17h00 ngày 16/01/2017. Riêng nhóm giải Thời gian sẽ chốt số liệu tại thời điểm hoàn thành kế hoạch thực tế.

V. Cách tính điểm các nhóm giải thưởng

1. Điểm doanh thu phí bảo hiểm

Điểm doanh thu tối đa là 250 điểm với cách tính như sau: TĐL có doanh thu quy đổi cao nhất theo hệ số của các nhóm sản phẩm (theo bảng quy định đính kèm) đạt 250 điểm, điểm thi đua của các TĐL còn lại được tính theo tỷ lệ tương ứng với TĐL có số điểm doanh thu cao nhất.

2. Điểm khai thác tiềm năng bảo hiểm

2.1. Quy định chung đối với Giải khai thác tiềm năng bảo hiểm

- Đối với nhóm bảo hiểm Con người: Chỉ tính số Giấy chứng nhận bảo hiểm và số tiền bảo hiểm được cấp trong kỳ thi đua của nghiệp vụ Bảo an tín dụng. Do quy tắc Bảo an tín dụng của ABIC chỉ nhận bảo hiểm tối đa là 200 triệu đồng/người, nên chương trình thi đua quy định tính doanh số cho vay tối đa 200 triệu đồng/Hợp đồng tín dụng.
- Đối với nhóm bảo hiểm Tài sản: Chỉ tính số Giấy chứng nhận bảo hiểm và số tiền bảo hiểm được cấp trong kỳ thi đua của các nghiệp vụ bảo hiểm vật chất bảo vệ dòng vốn tín dụng của Agribank. Do vậy, để đảm bảo tính tương ứng, chương trình thi đua quy định lấy chỉ tiêu số tiền phê duyệt của Agribank tại hợp đồng tín dụng khi tính tỷ lệ khai thác tiềm năng Tín dụng Doanh nghiệp.
- Đối với nhóm bảo hiểm Trách nhiệm: Không tính số Giấy chứng nhận bảo hiểm và số tiền bảo hiểm (mức trách nhiệm bảo hiểm) khi tính tỷ lệ khai thác tiềm năng bảo hiểm trong chương trình thi đua này.
- Đối với điểm khai thác tiềm năng tín dụng Hộ sản xuất và cá nhân: số Giấy chứng nhận bảo hiểm và số tiền bảo hiểm được tính trên cơ sở khách hàng tham gia bảo hiểm/người được bảo hiểm là cá nhân. (Ví dụ: Bảo an tín dụng, bảo hiểm vật chất xe, bảo hiểm tàu sông, tàu cá...)
- Đối với điểm khai thác tiềm năng tín dụng Doanh nghiệp: số Giấy chứng nhận bảo hiểm và số tiền bảo hiểm được tính trên cơ sở khách hàng tham gia bảo hiểm/người được bảo hiểm là doanh nghiệp. (Ví dụ: bảo hiểm xây dựng lắp đặt, cháy nổ, bảo hiểm vật chất xe, bảo hiểm tàu biển, hàng hoá...)
- ❖ *Lưu ý:* Không tính số Giấy chứng nhận bảo hiểm cấp đổi hoặc cấp sửa đổi bổ sung trong kỳ thi đua. Do phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm của ABIC chưa kết nối với hệ thống IPCAS của Agribank (ngoài Bảo an tín dụng), nên một số trường hợp đặc biệt sẽ thực hiện theo quy định của chương trình thi đua này.

2.2. Điểm khai thác tiềm năng Tín dụng Hộ sản xuất và cá nhân (HSX&CN)

Điểm Khai thác tiềm năng tín dụng HSX&CN: tối đa 100 điểm với cách tính như sau:

$$\text{Điểm Khai thác tiềm năng tín dụng HSX\&CN} = \text{Điểm khai thác tiềm năng khách hàng HSX\&CN} + \text{Điểm khai thác tiềm năng số tiền bảo hiểm HSX\&CN}$$

Trong đó:

- Điểm khai thác tiềm năng khách hàng HSX&CN tối đa là 50 điểm. TĐL có tỷ lệ khai thác tiềm năng khách hàng HSX&CN cao nhất trong kỳ thi đua (theo công thức dưới đây) đạt 50 điểm, điểm thi đua của các TĐL còn lại được tính theo tỷ lệ tương ứng với TĐL có số điểm cao nhất.

$$\text{Tỷ lệ khai thác tiềm năng khách hàng HSX\&CN} = \frac{\text{Số Giấy chứng nhận bảo hiểm của khách hàng HSX\&CN được ghi nhận doanh thu trong kỳ}}{\text{Số Hợp đồng tín dụng HSX\&CN đã phê duyệt nhập vào chương trình phần mềm IPCAS}} \times 100\%$$

- Điểm khai thác tiềm năng số tiền bảo hiểm HSX&CN tối đa là 50 điểm. TĐL có tỷ lệ khai thác tiềm năng số tiền bảo hiểm HSX&CN cao nhất trong kỳ thi đua (theo công thức dưới đây) đạt 50 điểm, điểm thi đua của các TĐL còn lại được tính theo tỷ lệ tương ứng với TĐL có số điểm cao nhất.

$$\text{Tỷ lệ khai thác tiềm năng số tiền bảo hiểm HSX\&CN} = \frac{\text{Số tiền bảo hiểm khách hàng HSX\&CN được ghi nhận doanh thu trong kỳ}}{\text{Doanh số cho vay tín dụng HSX\&CN}} \times 100\%$$

2.3. Điểm khai thác tiềm năng Tín dụng Doanh nghiệp

Điểm Khai thác tiềm năng tín dụng DN: tối đa 100 điểm với cách tính như sau:

$$\text{Điểm Khai thác tiềm năng tín dụng Doanh nghiệp} = \text{Điểm khai thác tiềm năng khách hàng Doanh nghiệp} + \text{Điểm khai thác tiềm năng số tiền bảo hiểm Doanh nghiệp}$$

Trong đó:

- Điểm khai thác tiềm năng khách hàng Doanh nghiệp tối đa là 50 điểm. TĐL có tỷ lệ khai thác tiềm năng khách hàng Doanh nghiệp cao nhất trong kỳ thi đua (theo công thức dưới đây) đạt 50 điểm, điểm thi đua của các TĐL còn lại được tính theo tỷ lệ tương ứng với TĐL có số điểm cao nhất.

$$\text{Tỷ lệ khai thác tiềm năng khách hàng Doanh nghiệp} = \frac{\text{Số Giấy chứng nhận bảo hiểm của khách hàng Doanh nghiệp được ghi nhận doanh thu trong kỳ}}{\text{Số Hợp đồng tín dụng Doanh nghiệp đã phát sinh được phê duyệt nhập vào chương trình phần mềm IPCAS trong kỳ}} \times 100\%$$

- Điểm khai thác tiềm năng số tiền bảo hiểm Doanh nghiệp tối đa là 50 điểm. TĐL có tỷ lệ khai thác tiềm năng số tiền bảo hiểm Doanh nghiệp cao nhất trong kỳ thi đua (theo công thức dưới đây) đạt 50 điểm, điểm thi đua của các TĐL còn lại được tính theo tỷ lệ tương ứng với TĐL có số điểm cao nhất.

$$\text{Tỷ lệ khai thác tiềm năng số tiền bảo hiểm Doanh nghiệp} = \frac{\text{Số tiền bảo hiểm khách hàng Doanh nghiệp được ghi nhận doanh thu trong kỳ}}{\text{Số tiền phê duyệt tại Hợp đồng tín dụng Doanh nghiệp trong kỳ}} \times 100\%$$

3. Điểm tăng trưởng và tăng trưởng bền vững doanh thu phí bảo hiểm

3.1 Điểm tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm

Điểm xét giải tăng trưởng doanh thu tối đa là 100 điểm với cách tính như sau:

Điểm Tăng trưởng = Điểm Tỷ lệ tăng trưởng + Điểm Doanh thu tăng trưởng

Trong đó:

Điểm Tỷ lệ tăng trưởng tối đa là 70 điểm. TĐL có tỷ lệ tăng trưởng doanh thu trong kỳ thi đua cao nhất (theo công thức dưới đây) đạt 70 điểm, điểm tăng trưởng của các TĐL còn lại được tính theo tỷ lệ tương ứng với TĐL có số điểm tăng trưởng cao nhất. TĐL có tỷ lệ tăng trưởng âm được tính 0 điểm.

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng} = \frac{\text{DTTT phí BH năm 2016} - \text{DTTT phí BH năm 2015}}{\text{DTTT phí BH năm 2015}} \times 100\%$$

Điểm Doanh thu tăng trưởng tối đa là 30 điểm. TĐL có giá trị doanh thu tăng trưởng trong kỳ thi đua cao nhất (theo công thức dưới đây) đạt 30 điểm, điểm tăng trưởng của các TĐL còn lại được tính theo tỷ lệ tương ứng với TĐL có số điểm tăng trưởng doanh thu cao nhất. TĐL có giá trị doanh thu tăng trưởng âm được tính 0 điểm.

Giá trị doanh thu tăng trưởng = DTTT phí BH năm 2016 - DTTT phí BH năm 2015

+ *Doanh thu thực thu được viết tắt là: DTTT;*

+ *Các TĐL năm 2016 mới ký hợp đồng với ABIC hoặc doanh thu thực thu năm 2015 dưới 01 tỷ đồng thì quy ước doanh thu phí bảo hiểm thực thu năm 2015 bằng 01 tỷ đồng để tính tỷ lệ tăng trưởng.*

3.2 Điểm tăng trưởng bền vững doanh thu phí bảo hiểm

- Giải thưởng được xét cho các TĐL Agribank có doanh thu thực thu trong kỳ thi đua năm 2016 tối thiểu là 05 tỷ đồng và tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trong chương trình thi đua 03 năm liên tiếp từ 2014 đến 2016 mỗi năm tăng trưởng tối thiểu từ 20%/năm trở lên.
- Điểm Tăng trưởng bền vững tối đa là 50 điểm. TĐL có tỷ lệ tăng trưởng doanh thu bình quân cao nhất (theo công thức dưới đây) đạt 50 điểm, điểm của các TĐL còn lại được tính theo tỷ lệ tương ứng với TĐL có số điểm tăng trưởng bền vững cao nhất.

$$\text{Tỉ lệ Tăng trưởng doanh thu bình quân} = \left[\frac{\text{DTTT 2016} - \text{DTTT 2013}}{\text{DTTT 2013}} \times 100\% \right] : 3$$

Ghi chú:

+ *Doanh thu thực thu được viết tắt là: DTTT;*

+ *Các TĐL năm 2013 mới ký hợp đồng với ABIC hoặc doanh thu thực thu trong kỳ thi đua năm 2013 dưới 01 tỷ đồng thì quy ước doanh thu phí bảo hiểm thực thu năm 2013 bằng 01 tỷ đồng để tính tỷ lệ tăng trưởng.*

4. Điểm hiệu quả đối với chỉ tiêu bồi thường

Điểm hiệu quả tối đa là 100 điểm với cách tính như sau:

$$\text{Điểm hiệu quả} = 100 \text{ điểm} - (\text{Tỷ lệ bồi thường trong kỳ thi đua} \times 100 \text{ điểm})$$

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ bồi thường trong kỳ thi đua} = \frac{\text{Số tiền đã bồi thường} + (\text{Ước bồi thường cuối kỳ} - \text{Ước bồi thường đầu kỳ})}{\text{Doanh thu bán hàng trong kỳ}} \times 100\%$$

- Trường hợp TĐL có tỉ lệ bồi thường trong kỳ thi đua $\geq 100\%$ được 0 điểm.

5. Giải Thời gian hoàn thành kế hoạch của Agribank

- Đối với nhóm giải Thời gian: xét theo thứ tự thời gian hoàn thành 100% kế hoạch năm 2016 của các Chi nhánh - TĐL Agribank quy định tại mục 6 - văn bản số 1511/NHNo-NCPT ngày 02/3/2016 của Tổng Giám đốc Agribank.
- Điều kiện xét giải thời gian: Chỉ tính hoa hồng, hỗ trợ ABIC đã chi trả TĐL Agribank trong kỳ thi đua.
- TĐL đạt Giải Thời gian được cộng điểm thưởng khi xét Giải toàn diện như sau:
Giải nhất được cộng 30 điểm; Giải nhì được cộng 20 điểm; Giải ba được cộng 10 điểm

6. **Điểm toàn diện khu vực:** bằng tổng điểm của tất cả các nhóm giải thưởng và điểm thưởng (nếu có) theo công thức sau.

Điểm toàn diện = Điểm Doanh thu + Điểm Tiềm năng + Điểm Tăng trưởng + Điểm Tăng trưởng bền vững + Điểm Hiệu quả + Điểm thưởng (nếu đạt Giải Thời gian)

VI. Cơ cấu và giá trị giải thưởng

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Giải thưởng	Giá trị giải thưởng	Số lượng giải thưởng			Cộng
		KVI	KVII	KVIII	
1. Nhóm giải Doanh thu: 250 điểm					
Giải Nhất	100,000,000	1	1	1	300,000,000
Giải Nhì	70,000,000	2	2	2	420,000,000
Giải Ba	50,000,000	3	3	3	450,000,000
Giải Khuyến khích	30,000,000	5	5	5	450,000,000
Cộng		11	11	11	1,620,000,000
2. Nhóm giải Khai thác tiềm năng tín dụng Hộ SX&CN: 100 điểm					
Giải Nhất	70,000,000	1	1	1	210,000,000
Giải Nhì	50,000,000	1	1	1	150,000,000
Giải Ba	30,000,000	1	1	1	90,000,000
Cộng		3	3	3	450,000,000
3. Nhóm giải Khai thác tiềm năng tín dụng Doanh nghiệp: 100 điểm					
Giải Nhất	70,000,000	1	1	1	210,000,000
Giải Nhì	50,000,000	1	1	1	150,000,000
Giải Ba	30,000,000	1	1	1	90,000,000
Cộng		3	3	3	450,000,000
4. Nhóm giải Tăng trưởng: 100 điểm					
Giải Nhất	70,000,000	1	1	1	210,000,000
Giải Nhì	50,000,000	1	1	1	150,000,000
Giải Ba	30,000,000	1	1	1	90,000,000
Cộng		3	3	3	450,000,000

5. Nhóm giải Tăng trưởng bền vững: 50 điểm					
Giải Nhất	70,000,000	1	1	1	210,000,000
Giải Nhì	50,000,000	1	1	1	150,000,000
Giải Ba	30,000,000	1	1	1	90,000,000
Cộng		3	3	3	450,000,000
6. Nhóm giải Hiệu quả: 70 điểm					
Giải Nhất	70,000,000	1	1	1	210,000,000
Giải Nhì	50,000,000	1	1	1	150,000,000
Giải Ba	30,000,000	1	1	1	90,000,000
Cộng		3	3	3	450,000,000
7. Nhóm giải Thời gian: điểm thưởng (30-20-10 điểm)					
Giải Nhất	30,000,000	1	1	1	90,000,000
Giải Nhì	20,000,000	1	1	1	60,000,000
Giải Ba	10,000,000	3	-	3	60,000,000
Cộng		5	2	5	210,000,000
8. Giải toàn diện					
Giải toàn diện	100,000,000	1	1	1	300,000,000
Tổng cộng		32	29	32	4,380,000,000

❖ Tổng cộng toàn Công ty: **93 giải**

❖ Tổng giá trị giải thưởng: **4.380.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Bốn tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn./.)

- Ngoài giải thưởng trên, Công ty sẽ trao Giấy khen/kỷ niệm chương cho TĐL đạt các giải thưởng trong chương trình thi đua. Chi phí cho giải thưởng của chương trình thi đua được trích từ nguồn chi phí của Công ty, không tính trong định mức chi phí Công ty giao khoán cho đơn vị năm 2016. Các chi phí khác thực hiện theo phê duyệt của Tổng Giám đốc.

VII. Tổ chức thực hiện

Tổng Giám đốc giao các Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo Chi nhánh, đơn vị trực thuộc ABIC triển khai nội dung chương trình thi đua **“ABIC cùng Agribank chung tay xây dựng nông thôn mới - 2016”**. Các Chi nhánh, Phòng đầu mối có trách nhiệm làm việc với từng TĐL Agribank thông báo nội dung thi đua, phối hợp cùng TĐL tổ chức phát động đến các đơn vị trực thuộc và đội ngũ đại lý viên.

Phòng Quản lý đại lý và Phát triển hệ thống là đầu mối theo dõi và tổng hợp báo cáo kết quả chương trình thi đua./.


TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Tính

DANH SÁCH 5 NHÓM SẢN PHẨM BẢO HIỂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1566/2016/QĐ-ABIC- QLĐL ngày 01/06/2016
của Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)

1. Nhóm 1: Doanh thu của nhóm này được tính hệ số 2, gồm các sản phẩm sau:

- + Bảo an tín dụng;
- + Bảo hiểm tiền;
- + Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển nội địa và hàng XNK đóng trong container;
- + Bảo hiểm tàu sông dưới 10 tuổi;
- + Bảo hiểm máy móc thiết bị chủ tàu.
- + BH tự nguyện xe máy;
- + BH tự nguyện xe ô tô của các đơn vị hành chính sự nghiệp, quốc phòng, nội vụ ngoại giao và các tổ chức quốc tế;
- + Bảo hiểm xây dựng lắp đặt. (Trừ các dự án xây dựng công trình ngầm, đê, kè sông, kè biển, thủy điện dưới 20 Mw, cầu cảng);
- + Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, cháy nổ tự nguyện; Bảo hiểm hỏa hoạn và mọi rủi ro đặc biệt; Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho đối tượng bảo hiểm thuộc NHÓM RỦI RO 1 (viết tắt là CAT 1) cụ thể:

CAT 1
Nhà khách không nằm trong rủi ro nhóm 4 dưới đây
Khách sạn, nhà nghỉ không nằm trong rủi ro nhóm 4 dưới đây
Khách sạn cao cấp (có sprinkler) không nằm trong rủi ro nhóm 4 dưới đây
Nhà tập thể, nhà chung cư cấp 1 theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
Cơ sở y tế khám chữa bệnh
Bệnh viện, Trung tâm dưỡng lão, Trung tâm điều trị súc vật
Trung tâm nuôi trẻ mồ côi, người tàn tật
Nhà thi đấu, trung tâm thể thao (có nhà hàng)
Nhà thi đấu, trung tâm thể thao (không nhà hàng)
Rạp chiếu phim
Câu lạc bộ văn hóa, nhà văn hoá, hội trường
Bể bơi công cộng (có nhà hàng, phòng tập thể dục dụng cụ)
Bể bơi công cộng (không có nhà hàng, phòng tập thể dục dụng cụ)
Cảng hàng không
Cơ sở lưu trữ, thư viện
Đài phát thanh, truyền hình
Bưu điện
Trạm bưu chính viễn thông
Viện nghiên cứu, trung tâm thí nghiệm
Tòa nhà văn phòng
Trụ sở cơ quan, văn phòng làm việc trong khu hành chính thương mại

Trường học các cấp
Nhà máy nước khoáng và nước uống các loại (không có ga)
Nhà chùa, nhà thờ
Nhà máy/ cơ sở sản xuất muối
Nhà máy sữa
Nhà máy xi măng
Phòng khám y tế, cơ sở chăm sóc răng
Nhà máy xử lý nước
Kho hàng đông lạnh (Chỉ bảo hiểm cho rủi ro Cháy nổ)
Nhà máy bia và nước trái cây

2. Nhóm 2: Doanh thu của nhóm này được tính hệ số 1,5 gồm các sản phẩm sau:

- + Bảo hiểm thiết bị điện tử;
- + Bảo hiểm tàu sông trên 10 tuổi;

3. Nhóm 3: Doanh thu của nhóm này được tính hệ số 1, gồm các sản phẩm sau:

- + Các sản phẩm khác ngoài nhóm 1,2,4,5.
- + Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, tự nguyện và Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các đối tượng BH thuộc NHÓM RỦI RO 3 (viết tắt là CAT 3) cụ thể:

CAT 3
Nhà máy sản xuất than đá bánh
Kho sắt (CFIR)
Nhà hàng
Xưởng khắc, chạm (làm chổi, bàn chải, chổi sơn, trừ phần xử lý gỗ)
Nhà máy luyện than cốc
Nhà máy làm phân trộn
Khách sạn, nhà nghỉ ven biển từ Thanh Hóa đến Quy Nhơn cách bờ biển hơn 1 km)
Cơ sở sản xuất nút chai (không bao gồm nhựa, bắc)
Kho vật liệu xây dựng (không có gỗ, giấy, chất lỏng dễ cháy)
Kho gạch, đồ gốm sứ
Kho kim loại, phụ tùng cơ khí
Nhà máy đánh bóng gạo
Nhà máy chế biến sản xuất cafe, hạt điều
Nhà máy sản xuất mút hay cao su bọt
Nhà máy sản xuất mì ăn liền, cháo ăn liền
Nhà máy sản xuất chất dẻo, cao su đặc
Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ cao su
Nhà máy sản xuất, chiết suất chế biến tinh bột
Xưởng phim, phòng in tráng phim
Nhà máy sản xuất nước mắm, dấm
Lò đúc

Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ cao su
Nhà máy sản xuất, chiết suất chế biến tinh bột
Xưởng phim, phòng in tráng phim
Nhà máy sản xuất nước mắm, dấm
Lò đúc
Nhà máy sản xuất than non bánh
Gara máy bay
Cầu tàu/Bãi đỗ tàu
Nhà máy, xưởng xay bột mì
Luyện quặng (trừ quặng sắt)
Nhà máy hóa chất vô cơ và hữu cơ chế biến nguyên liệu và bán thành phẩm sản phẩm như phân bón dạng hạt, viên nhỏ, bột hoặc axit, muối, dung môi, cao su tổng hợp
Nhà máy, xưởng xay xát gạo
Bãi đỗ xe
Nhà máy thức ăn gia súc
Chế biến (sỏi, đá dăm, than xỉ trộn nhựa) với asphat hoặc bitumen
Sản xuất và chế biến vàng, bạc, đồ trang sức
Sản xuất vật liệu phim ảnh
Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ
Sản xuất khoáng sản (cưa, mài, đánh bóng)
Sản xuất sáp đánh bóng
Sản xuất hoặc chế biến tấm bột xốp
Nhà máy lưu hoá cao su
Cảng biển, cảng sông
Nhà máy đóng tàu và sửa chữa tàu
Cơ sở vẽ tranh, phòng ảnh, làm pano quảng cáo
Kho chứa xe có mái che, không có dịch vụ bảo trì và sửa chữa
Nhà máy/ cơ sở giết mổ súc vật
Nhà máy phong điện trên đất liền
Nhà máy sản xuất chưng cất rượu
Sản xuất Xăm lóp
Cửa hàng bán sách và văn phòng phẩm
Nhà máy lọc dầu hoạt động từ 10 đến 15 năm
Hội chợ, triển lãm
Nhà tập thể, nhà chung cư cấp 2&3 theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
Nhà ga, bến tàu, bến xe
Nhà máy rượu
Khách sạn, nhà nghỉ ven biển từ Thanh Hóa đến Quy Nhơn cách bờ biển hơn 1 km)
Trại nuôi súc vật, gia súc, gia cầm
Kho gạo/ lúa mạch/ ngô

C.
 TY
 AN
 AN H
 GHIE
 TP

- + Khách hàng là doanh nghiệp Đài Loan
- + Bảo hiểm xe taxi, container, đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh;
- + Bảo hiểm hàng xuất nhập khẩu phân bón, thức ăn gia súc (chở rời);
- + Bảo hiểm tàu biển trên 15 tuổi,
- + Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, tự nguyện và Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các đối tượng BH thuộc NHÓM RỦI RO 4 & 5 (viết tắt là CAT 4 & CAT 5) cụ thể:

CAT 4
Nhà máy sản xuất thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá
Xưởng sản xuất giấy, chế biến giấy
Sản xuất bao bì carton
Sản Xuất bao bì công nghiệp
Cửa hàng bán lẻ xăng dầu, gas
Sản xuất, xử lý và phân phối khí, gas
Chợ kiên cố, bán kiên cố
Bar, sàn nhảy, phòng hoà nhạc
Kho biệt lập (tất cả các loại kho không nêu rõ ở đây)
Kho xăng dầu
Kho hàng hoá tổng hợp ngoài trời
Kho nhựa đường
Kho sơn
Kho chứa hoá chất
Kho thành phẩm, bán thành phẩm nhựa, cao su
Kho cồn, các chất lỏng dễ cháy
Kho giấy, bìa, bao bì
Kho tinh dầu, hương liệu, dầu ăn
Kho ngành thuốc lá
Kho dược phẩm
Kho vật tư ngành ảnh
Kho hàng thiết bị điện, điện tử (điện thoại di động, TV, máy vi tính...)
Kho chứa xe ngoài trời có dịch vụ bảo trì và sửa chữa
Kho chứa xe ngoài trời không có dịch vụ bảo trì và sửa chữa
Kho hàng hoá tổng hợp trong nhà
Kho LPG, LNG
Kho phân bón
Kho Polypropylene
Kho thuốc trừ sâu và hóa chất phục vụ nông nghiệp
Kho bánh kẹo, nước giải khát
Kho hàng nông sản (café, tiêu, khoai tây, hạt điều....)
Kho hàng đông lạnh (Mọi rủi ro, rủi ro được liệt kê cụ thể)
Khai thác than bùn
Khai thác than đá

Kho bánh kẹo, nước giải khát
Kho hàng nông sản (café, tiêu, khoai tây, hạt điều....)
Kho hàng đông lạnh (Mọi rủi ro, rủi ro được liệt kê cụ thể)
Khai thác than bùn
Khai thác than đá
Khai khoáng (khai thác, hầm mỏ và nghiền sỏi, đất sét)
Khai thác mỏ quặng kim loại các loại
Khai thác than non
Xưởng sản xuất dây chun
Cơ sở chế biến bàn chải
Sản xuất sơn
Sản xuất nhựa, nhựa đúc, nhựa thanh
Sản xuất sản phẩm nhựa lắp ráp
Xưởng sản xuất hoa giả
Cơ sở sản xuất áo đi mưa, nhựa tấm, khăn trải bàn
Xưởng đóng sách
Xưởng sơn
Xưởng hàn, cắt
Xưởng sửa chữa xe
Cơ sở sản xuất giấy ráp
Cơ sở sản xuất hương, vàng mã
Cơ sở sản xuất, Viện nghiên cứu phòng thí nghiệm, sản xuất và sử dụng chất nổ, chất dễ cháy
Căn hộ cấp thấp có hoạt động kinh doanh, bán lẻ
Nhà máy đốt rác
Nhà máy lọc dầu hoạt động trên 15 năm
Nhà máy sản xuất diêm
Nhà máy sản xuất than củi
Nhà máy, cơ sở sản xuất nển
Trung tâm tổ chức đám ma/ hỏa táng
Nhà tập thể, nhà chung cư cấp 4 theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
Khách sạn, nhà nghỉ ven biển từ Thanh Hóa đến Quy Nhơn cách biển trong vòng 1km
Nhà máy sản xuất các mặt hàng làm từ da thuộc
Nhà máy sản xuất da thuộc
Cơ sở chế biến lông vũ
Nhà máy sản xuất nội thất văn phòng với vật liệu dễ cháy (giấy...)
Xưởng sản xuất dây thừng, chảo trừ chỉ khâu (nếu dây có phủ nhựa, nhựa đường)
Xưởng sản xuất dây thừng, chảo trừ chỉ khâu (nếu dây không có phủ nhựa, nhựa đường)
Nhà máy sản xuất chế biến lông thú, may da thú
Nhà máy sản xuất thảm, tấm trải sàn (không có bông, vải, sợi...)



Xưởng giặt, là (không có tẩy, hấp, nhuộm)
CAT 5
Sản xuất đồ gỗ gia dụng có nhồi, lót (có sử dụng bột nhựa hoặc cao su xốp)
Xưởng cửa
Xưởng sản xuất đồ gỗ gia dụng
Sản xuất đồ gỗ gia dụng có nhồi, lót (không sử dụng bột nhựa hoặc cao su xốp)
Sản xuất bút chì gỗ
Xưởng chế biến đồ gỗ khác
Nhà máy cửa xẻ gỗ
Nhà máy sản xuất đồ gỗ
Nhà máy sản xuất ván ép
Kho bông vải sợi, len dạ, sản phẩm dệt
Kho đồ gỗ và các sản phẩm về gỗ
Cơ sở chế biến phế liệu vải sợi (như phân loại, giặt, chải, buôn bán)
Xưởng dệt kim
Nhà máy dệt các loại sợi khác (cotton, vitco, lanh, gai, đay)
Xưởng xe kéo sợi
Nhà máy sản xuất thảm, tấm trải sàn (bông, vải, sợi...)
Nhà máy chỉ khâu
Xưởng giặt, là, tẩy, hấp, nhuộm
Nhà máy giấy
May đồ lót, đăng ten các loại
May quần áo các loại, Xí nghiệp may
Sản xuất các sản phẩm dệt chưa phân loại khác
Sản xuất lụa, tơ tằm
Nhà máy dệt tơ, len, sợi tổng hợp
Nhuộm vải, in trên vải
Nhà máy sản xuất lông vũ, thú nhồi bông, đệm
Nhà máy sản xuất nội thất văn phòng với vật liệu dễ cháy (gỗ)
Xưởng làm rổ sọt
Nhà máy sản xuất viên nén mùn cưa
Các ngành nghề khác không nêu tại nhóm rủi ro 1,2,3,4 ở trên

10